

NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU NGUYÊN ÂM TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH ỨNG DỤNG TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

Vũ Thị Hải Hà¹, Hạp Thu Hà^{2*}

¹Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

²Khoa Văn hóa, Trường Đại học Hạ Long

* Email: hapthuha@daihochalong.edu.vn

Ngày nhận bài: 29/06/2022

Ngày nhận bài sửa sau phân biện: 09/03/2023

Ngày chấp nhận đăng: 12/04/2023

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả so sánh, đối chiếu nguyên âm tiếng Việt và tiếng Anh, nhằm tìm ra những giao thoa ngôn ngữ, lý giải nguyên nhân gây ra lỗi phát âm nguyên âm của người Việt Nam khi học tiếng Anh. Trước tiên, chúng tôi miêu tả đặc điểm ngữ âm âm vị học hệ thống nguyên âm hai ngôn ngữ. Sau đó, dựa trên các tiêu chí đối chiếu, xác định những điểm tương đồng và khác biệt về hệ thống nguyên âm trong hai ngôn ngữ. Dựa trên những điểm khác biệt ấy, nghiên cứu tập trung miêu tả, phân tích những ảnh hưởng tiêu cực của người học tới cách phát âm những nguyên âm tiếng Anh không có trong tiếng Việt nhằm giúp người học Việt Nam trong quá trình học tiếng Anh khắc phục được những ảnh hưởng tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ. Chúng tôi hi vọng bài viết này có thể giúp sinh viên Việt Nam nhận diện được những khác biệt về đặc điểm ngữ âm âm vị học của nguyên âm tiếng Việt và tiếng Anh, từ đó giảm thiểu được những lỗi chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ trong quá trình học ngoại ngữ.

Từ khóa: chuyển di ngôn ngữ, nguyên âm, so sánh đối chiếu, tiếng Anh, tiếng Việt.

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF ENGLISH AND VIETNAMESE VOWELS: APPLICATIONS IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING AND LEARNING IN VIETNAM

ABSTRACT

This paper focuses on presenting the results of comparing and contrasting Vietnamese and English vowels to find out language interferences and explain the causes of Vietnamese people's errors in pronouncing vowels when learning English. We first describe the phonological characteristics of the vowel system of the two languages. Then, based on the comparison criteria, identify the similarities and differences in the vowel systems in the two languages. Based on these differences, the study focuses on describing and analyzing the negative influences of learners on the pronunciation of English vowels that are not found in Vietnamese to help Vietnamese learners learn English to overcome the negative influences from the mother tongue. We hope that this article can help Vietnamese students recognize the differences in phonological and phonological characteristics of Vietnamese and English vowels, thereby minimizing negative pronunciation errors from the language mother in the process of learning foreign languages.

Keywords: contrastive, English, language transfer, Vietnamese, vowel.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát âm là một trong những kỹ năng cơ bản mang tính chất nền tảng và quyết định đối với những người bắt đầu học tiếng Anh. Phát âm chính là yếu tố có ảnh hưởng tới việc học tất cả các kỹ năng từ vựng, nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp...

Theo một số nghiên cứu gần đây, việc người học mắc lỗi khi học ngoại ngữ, đặc biệt là lỗi phát âm diễn ra rất phổ biến. Lỗi phần lớn xảy ra do người học sử dụng kiến thức của tiếng mẹ đẻ vào ngôn ngữ mới nên nó là bằng chứng chứng tỏ sự hạn chế về khả năng sử dụng tiếng và chiến lược học tập của người học. Bên cạnh đó, việc tri nhận âm thanh, phát âm được một âm tiết hoàn chỉnh đòi hỏi người học không chỉ có những hiểu biết cơ bản về ngữ âm, mà còn phải biết cách và luyện tập thành thạo cách sản sinh ra các âm tiết. Tiếng Anh là một ngôn ngữ đa âm tiết có nhiều đặc điểm ngữ âm khác với tiếng Việt, là một ngôn ngữ đơn âm, có thanh điệu. Những khác biệt này tạo nên những giao thoa về mặt ngữ âm, bao gồm giao thoa trong hệ thống nguyên âm, sự kết hợp, vị trí và thứ tự. Đây là một khó khăn cho người học Việt Nam khi học tiếng Anh.

Dựa vào kết quả nghiên cứu ngữ âm – âm vị học tiếng Việt và tiếng Anh của các tác giả đi trước, kết hợp giữa phương pháp miêu tả, so sánh đối chiếu về các đặc trưng khu biệt ngữ âm – âm vị học giữa hệ thống nguyên âm của hai ngôn ngữ Việt – Anh, bài viết có mục đích là: miêu tả chi tiết hệ thống âm vị nguyên âm của tiếng Việt và tiếng Anh về mặt vai trò, chức năng trong âm tiết, số lượng, các tiêu chí phân biệt và đặc điểm phát âm; tiến hành so sánh đối chiếu hai hệ thống âm vị nguyên âm, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ nhằm giúp người học Việt Nam nhận diện và phát âm đúng các nguyên âm trong tiếng Anh. Kết quả của bài viết sẽ là tài liệu tham khảo dạy và học ngoại ngữ cho người học Việt Nam khi học ngoại ngữ là tiếng Anh và các ngoại ngữ khác.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng các phương pháp:

- Phương pháp phân tích và miêu tả ngữ âm – âm vị học: Phân tích dựa trên mô tả các đặc điểm tương đồng và khác biệt về ngữ âm – âm vị học. Dựa vào kết quả nghiên cứu ngữ âm – âm vị học nguyên âm tiếng Việt và tiếng Anh, phân tích, miêu tả các đặc trưng và nét khu biệt ngữ âm – âm vị học giữa hai ngôn ngữ Việt – Anh. Trên cơ sở đó, dự đoán kiểu lỗi giao thoa các đơn vị chiết đoạn nguyên âm tiếng Anh của sinh viên Việt Nam khi học tiếng Anh.

- Phương pháp đối chiếu: Dựa vào kết quả miêu tả những đặc trưng ngữ âm – âm vị học, tiến hành so sánh đối chiếu sự tương đồng và khác biệt hệ thống nguyên âm giữa hai ngôn ngữ.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khái niệm nguyên âm

Về mặt ngữ âm học, Peter (1996) định nghĩa nguyên âm như sau: “*Nguyên âm là âm mà khi nói, luồng hơi thoát ra ngoài một cách tự do, không bị cản trở*” (Tang, 2007). Một nguyên âm bất kỳ luôn có đặc trưng âm học với tần số xác định để khu biệt với các nguyên âm khác. Ví dụ, đặc trưng âm học độ mở của miệng, vị trí của lưỡi và hình dáng của môi giúp phân biệt nguyên âm [i:] với nguyên âm [u:].

Như vậy, về bản chất, đặc điểm cơ bản của nguyên âm là sự cấu tạo bằng luồng không khí không bị cản trở ở những bộ phận khác nhau của bộ máy phát âm.

Sự cấu âm của nguyên âm có thể được miêu tả một cách đơn giản dựa trên ba đặc điểm: vị trí của lưỡi, độ mở của miệng và hình dáng của môi. Từ quan điểm âm vị học, David (2008) cho rằng “*nguyên âm là những đơn vị có chức năng làm hạt nhân âm tiết*”. Ví dụ, nguyên âm [e] làm hạt nhân âm tiết trong từ **hết** (tiếng Việt) [het¹].

Các nhà ngôn ngữ học thường lấy ba đặc điểm cấu âm nói trên để miêu tả, nhận diện và phân biệt các đơn vị nguyên âm khác nhau trong ngôn ngữ.

3.2. Các tiêu chí phân biệt nguyên âm

3.2.1. Vị trí của lưỡi

Tiêu chí này đề cập đến mối quan hệ theo chiều ngang. Khi phát âm, điểm cao nhất của lưỡi nhích về phía trước hoặc lùi lại phía sau, tạo ra các nguyên âm hàng trước, hàng giữa và hàng sau. Về mặt ngữ âm học, người ta không thể xác định ranh giới chính xác giữa các nhóm nguyên âm trước, giữa và sau. Vì vậy, sự phân chia này chỉ là sự dịch chuyển tương đối trên trục biến thiên giữa hai vị trí trước và sau nhất của lưỡi khi phát âm một nguyên âm (**Hình 1**). Các ngôn ngữ phổ biến trên thế giới thường có nguyên âm hàng trước là [i:], [e], nguyên âm hàng sau là [u:], [ɔ:], v.v.

Căn cứ vào sự thay đổi vị trí của lưỡi trong quá trình phát âm một nguyên âm, người ta còn phân loại thành: nguyên âm đơn (monothongs), nguyên âm đôi (diphthongs), nguyên âm ba (triphthongs). Trong cách miêu tả hiện đại về các đặc trưng âm thanh, người ta còn tiến xa hơn nữa với nhiều thuật ngữ ngữ âm học khác nhau. Ví dụ, thuật ngữ nguyên âm loãng (diffuse) để chỉ những nguyên âm nào có đặc trưng là các tần số cơ bản (formant) xuất hiện xa nhau, một ở vùng tần số cao, một ở vùng tần số thấp (ví dụ, nguyên âm [i:] tiếng Anh). Trái lại, thuật ngữ nguyên âm đặc chỉ những nguyên âm có tần

số cơ bản (formant) xuất hiện gần nhau. Ví dụ, nguyên âm [u] (tiếng Việt), v.v.

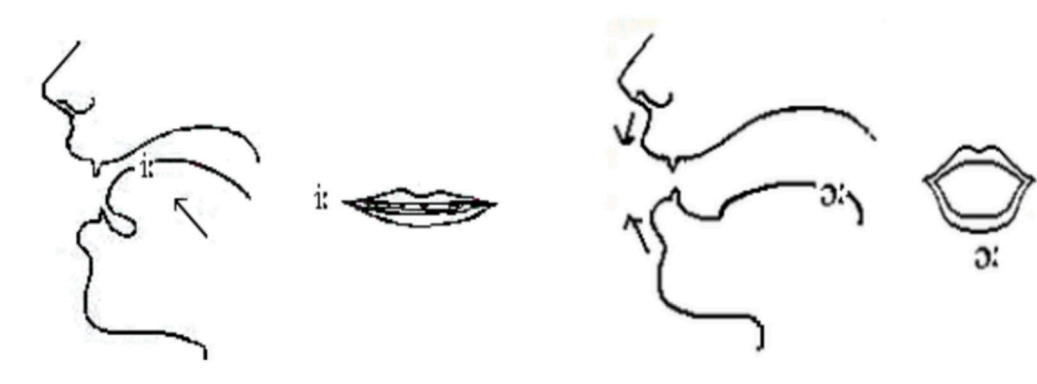


(Nguồn: Peter & Keith, 2014)

Hình 1. Sự dịch chuyển biến thiên của lưỡi khi phát âm các nguyên âm khác nhau.

3.2.2. Độ mở của miệng

Tiêu chí này đề cập đến mối quan hệ theo chiều thẳng đứng, cho biết thể tích của khoang cộng hưởng khi phát âm một nguyên âm bất kì. Về lí thuyết, có nguyên âm miệng (oral vowels) và nguyên âm mũi (nasal vowels), nhưng nhìn chung, hầu hết nguyên âm ở các ngôn ngữ đều là nguyên âm thuộc tiểu loại thứ nhất. Vì vậy, khi nói đến tiêu chí tương liên khép/mở của nguyên âm, người ta thường nói đến độ mở của miệng (Hình 2). Ví dụ, trong tiếng Anh, [i:] là nguyên âm khép, còn [ɔ:] là nguyên âm mở.



a) Độ mở của miệng khi phát âm nguyên âm [i:] b) Độ mở của miệng khi phát âm nguyên âm [ɔ:]

(Nguồn: <https://stepup.edu.vn/blog/tu-hoc-phat-am-tieng-anh/>)

Hình 2. Độ mở của miệng trong bộ máy phát âm khi phát âm các nguyên âm tiếng Anh.

3.2.3. Hình dáng của môi

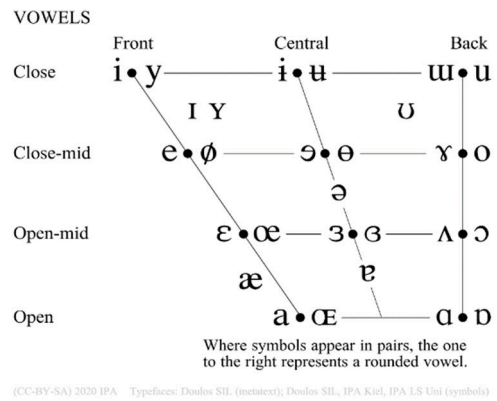
Tiêu chí này cho biết đặc điểm của lối thoát không khí qua khoang cộng hưởng miệng. Khi phát âm, hai môi có thể chúm tròn lại, tạo nên những nguyên âm với âm sắc trầm hơn bình thường, đó là những nguyên âm tròn môi. “Tiêu chí về hình dáng của môi là tiêu chí duy nhất có thể tự mình cảm nhận một cách tương đối khi phát âm nguyên âm, còn tiêu chí khu biệt đối lập trước/sau, đóng/mở thì khó đánh giá nếu không sử dụng thiết bị chuyên dụng” (Mike & Hannahs, 1998). Ví dụ, [ɔ] và [u] là những nguyên âm tròn môi tiếng Việt. Trái lại, nếu hai môi ở tư thế bình thường hoặc nhàn ra khi phát âm thì chúng ta có những nguyên âm không tròn môi (cũng còn gọi là nguyên âm dẹt). Ví dụ, [ɛ] là nguyên âm không tròn môi tiếng Anh và tiếng Việt.

Ngoài ra, các nguyên âm còn được phân biệt với nhau theo trường độ (length), gồm: nguyên âm ngắn, nguyên âm dài và tính mũi (nasality), đề cập đến việc lưỡi con (uvula) (là phần mô thịt treo ngay trên lưỡi, nằm ở cuối cùng của miệng) có nâng lên hay hạ xuống khi phát âm một nguyên âm: nguyên âm mũi và nguyên âm không mũi.

3.2.4. Hình thang nguyên âm quốc tế

Về phương thức cấu âm, tất cả các nguyên âm đều có cùng một kiểu, nghĩa là trong quá trình cấu tạo các nguyên âm, luồng không khí chủ yếu đều thoát ra ngoài qua khoang miệng. Các nguyên âm chỉ khác nhau về âm sắc do hoạt động cộng hưởng của các khí quan cấu âm. Trong đó, lưỡi là khí quan cấu âm quan trọng nhất. Người ta thường dựa vào hoạt động của lưỡi để phân loại nguyên âm. Sự thay đổi vị trí của lưỡi tạo nên những sự khác nhau rất lớn giữa các nguyên âm bởi lẽ nó làm cho mối tương quan giữa các khoang cộng hưởng thay đổi về căn bản. Bên cạnh vị trí của lưỡi, môi và hoạt động của hai môi cũng được chú ý. Môi có tác dụng vừa tăng dung tích các hộp cộng hưởng, vừa điều khiển độ rộng – hẹp của lối thoát không khí đối với cả luồng hơi lẫn các khoang cộng hưởng.

Trên cơ sở hoạt động của lưỡi và môi, người ta đưa ra một số nguyên âm tiêu biểu, còn gọi là các nguyên âm cơ bản (cardinal vowels) nhằm lấy nó làm cứ liệu cho việc định danh và miêu tả các nguyên âm cụ thể quan sát được trong các ngôn ngữ khác nhau. Dựa vào những vị trí khác nhau của lưỡi và hình dáng của môi khi cấu tạo các nguyên âm trong khoang miệng, người ta biểu diễn các nguyên âm chuẩn trên hình thang nguyên âm quốc tế như Hình 3.



(Nguồn: Peter & Keith, 2014)

Hình 3. Hình thang nguyên âm quốc tế.

3.3. Đối chiếu nguyên âm tiếng Việt và tiếng Anh

3.3.1. Miêu tả nguyên âm tiếng Việt

Đến nay, các nhà Việt ngữ học vẫn chưa thống nhất số lượng âm chính của tiếng Việt. Về nguyên âm đơn, trong khi một số tác giả như Đoàn Thiện Thuật, Lương Thị Kim Nga, Bùi Tất Tươi, Mai Ngọc Chừ cho rằng tiếng Việt có 13 nguyên âm đơn (Đoàn Thiện Thuật, 2007), thì một số tác giả khác như Đinh Lê Thư, Nguyễn Văn Huệ, Cù Đình Tú do không tính hai nguyên âm [ɔ̃] và [ɛ̃], nên có quan điểm tiếng Việt có 11 nguyên âm đơn (Cù Đình Tú & cs., 1978). Theo cảm nhận của người Việt, sự khu biệt về tiêu chí đối lập dài/ngắn của các cặp nguyên âm: [ɛ] với [ɛ̃], [ɤ] và [ɤ̃], [a] và [ã], [ɔ] và [ɔ̃] là rất rõ ràng. Sự khu biệt đó có ý nghĩa thiết thực đối với việc nghiên cứu lỗi phát âm tiếng Anh của người Việt. Vì lẽ đó, chúng tôi đồng ý với quan điểm của nhóm tác giả thứ nhất, tức

là xem tiếng Việt có 13 nguyên âm đơn là: [i], [e], [ɛ], [ɛ̃], [u], [ɤ], [ɤ̃], [a], [ã], [u], [o], [ɔ] và [ɔ̃].

Về nguyên âm đôi, phần lớn các nhà Việt ngữ học đều có quan điểm tiếng Việt có 3 nguyên âm đôi.

a. *Miêu tả nguyên âm đơn tiếng Việt*

Dựa vào vị trí phân bố của các nguyên âm tiếng Việt và hình thang nguyên âm quốc tế, chúng tôi miêu tả 13 nguyên âm đơn tiếng Việt như sau:

1) Nguyên âm [i]: Là một nguyên âm hàng trước, khép, không tròn môi. Ví dụ: **bít** [bit¹], **bình minh** [bìj¹ mìn¹], v.v.

2) Nguyên âm [e]: Là một nguyên âm hàng trước, nửa khép, không tròn môi. Ví dụ: **bét** [bet¹], **đêm** [dɛm¹], v.v.

3) Nguyên âm [ɛ]: Là một nguyên âm dài, hàng trước, nửa khép, không tròn môi. Ví dụ: **bét** [bet¹], **sen** [sen¹], v.v.

4) Nguyên âm [ɛ̃]: Là một nguyên âm ngắn, hàng trước, nửa mở, không tròn môi. Ví dụ: **ách** [ɛc¹], **rãnh mạch** [zɛ̃j¹ mɛ̃c¹], v.v.

5) Nguyên âm [u]: Là một nguyên âm hàng giữa, khép, không tròn môi. Ví dụ: **bút** [but¹], **mừng** [mɯj¹], v.v.

6) Nguyên âm [ɤ]: Là một nguyên âm dài,

hàng giữa, nửa khép, không tròn môi. Ví dụ: **bót** [bɔt¹], **thợ** [t^hɤ¹], v.v.

7) Nguyên âm [ɤ̃]: Là một nguyên âm ngắn, hàng giữa, nửa khép, không tròn môi. Ví dụ: **bát** [bɔ̃t¹], **chạm** [cɤ̃¹], v.v.

8) Nguyên âm [a]: Là một nguyên dài, hàng giữa, mở, không tròn môi. Ví dụ: **bát** [bat¹], **bàn** [ban¹], v.v.

9) Nguyên âm [ã]: Là một nguyên âm ngắn, hàng giữa, mở, không tròn môi. Ví dụ: **bất** [bãt¹], **nằm** [nã¹], v.v.

10) Nguyên âm [u]: Là một nguyên âm hàng sau, khép, tròn môi. Ví dụ: **bút** [but¹], **thu** [t^hu¹], v.v.

11) Nguyên âm [o]: Là một nguyên âm hàng sau, nửa khép, tròn môi. Ví dụ: **bót** [bot¹], **lom khom** [lom¹ xom¹], v.v.

12) Nguyên âm [ɔ]: Là một nguyên âm dài, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Ví dụ: **xoong** [ɤɔj¹], **hộp** [hɔp¹], v.v.

13) Nguyên âm [ɔ̃]: Là một nguyên âm ngắn, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Ví dụ: **thốc** [t^hɔ̃k], **xong** [ɤɔ̃j¹], v.v.

Có thể miêu tả nguyên âm tiếng Việt theo các tiêu chí vị trí của lưỡi, độ mở của miệng và hình dáng của môi trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng nguyên âm tiếng Việt.

Âm sắc	Độ mở của miệng	Vị trí lưỡi, hình dáng môi		
		Trước, không tròn môi	Giữa, không tròn môi	Sau, tròn môi
Cố định	Nhỏ	i	u	u
	Vừa	e	ɤ/ɤ̃	o
	Lớn	ɛ/ɛ̃	a/ã	ɔ/ɔ̃
Không cố định		ie	uɤ	uo

(Nguồn: Đoàn Thiện Thuật, 2007)

b. Miêu tả nguyên âm đôi tiếng Việt

1) Nguyên âm đôi [ie]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [ie] được bắt đầu bằng nguyên âm [i]. Đó là một nguyên âm hàng trước, khép, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [e], là một nguyên âm hàng trước, nửa khép, không tròn môi. Nguyên âm đôi [ie] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [i], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [e]. Nguyên âm đôi [ie] có hai biến thể ngữ âm là [ie] ở âm tiết có phụ âm cuối và [iə] khi phụ âm cuối là ze rô. Ví dụ: **tiếng** [tiɛŋ¹], **tía** [tiə¹], v.v.

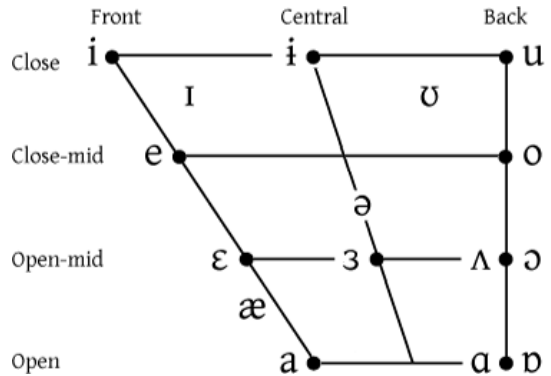
2) Nguyên âm đôi [ɯɤ]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [ɯɤ] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɯ]. Đó là một nguyên âm hàng giữa, khép, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɤ], là một nguyên âm hàng giữa, nửa khép, không tròn môi. Nguyên âm đôi [ɯɤ] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ɯ], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɤ]. Nguyên âm đôi [ɯɤ] có hai biến thể ngữ âm là [ɯɤ] ở âm tiết có phụ âm cuối và [ɯə] khi phụ âm cuối là ze rô. Ví dụ: **bướm** [bɯɤm¹], **búa** [bɯə¹], v.v.

3) Nguyên âm đôi [uo]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [uo] được bắt đầu bằng nguyên âm [u]. Đó là một nguyên âm hàng sau, khép, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [o], là một nguyên âm hàng sau, nửa khép, tròn môi. Nguyên âm đôi [uo] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [u], sau đó bị nhược hoá về mặt cường độ, tức là nguyên âm [o]. Nguyên âm đôi [uo] có hai biến thể ngữ âm là [uo] ở âm tiết có phụ âm cuối và [uə] khi phụ âm cuối là ze rô. Ví dụ: **buốt** [buot¹], **búa** [buə¹], v.v.

3.3.2. Hệ thống nguyên âm tiếng Anh

Những tài liệu giới thiệu về hệ thống nguyên âm tiếng Anh hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam chủ yếu miêu tả các đơn vị nguyên âm dưới góc độ lí thuyết âm vị học. Trong bài viết này, chúng tôi xem xét hệ

thống nguyên âm ở cả hai ngôn ngữ trên quan điểm ngữ âm âm vị học, có nghĩa là những hệ thống nguyên âm đó có thể xảy ra trong thực tế như thế nào để ứng dụng vào việc dạy học tiếng Anh cho người Việt. Dựa vào hình thang nguyên âm quốc tế, hệ thống nguyên âm tiếng Anh được sắp xếp như Hình 4.



(Nguồn:

https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/6/60/English_vowel_chart.png)

Hình 4. Hình thang nguyên âm tiếng Anh.

a. Nguyên âm đơn tiếng Anh

Theo Peter & Keith (2014), “Nguyên âm đơn là các nguyên âm có phẩm chất giữ nguyên không thay đổi”. Như vậy, phẩm chất của nguyên âm (hay các dạng âm khác) phải được xác định theo các đặc trưng âm học. Vì lẽ đó mà Peter (1996) khẳng định: “Cách tốt nhất để miêu tả nguyên âm không phải là thông qua cấu âm, mà phải thông qua các đặc trưng âm học của chúng”. Đặc trưng cho mỗi nguyên âm là một cấu trúc tần số cơ bản (formant) riêng, không thể trùng khớp với cấu trúc tần số cơ bản (formant) của nguyên âm khác.

Dựa vào vị trí phân bố của các nguyên âm ở hình thang nguyên âm tiếng Anh, chúng tôi miêu tả 11 nguyên âm đơn tiếng Anh như sau:

1) Nguyên âm [iː]: Là nguyên âm dài, hàng trước, khép, không tròn môi. Ví dụ: **leave** [liːv] (rời khỏi), **seat** [siːt] (chỗ ngồi), v.v.

2) Nguyên âm [ɪ]: Là nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi. Ví dụ: **live** [lɪv] (sống), **sit** [sɪt] (ngồi), v.v.

3) Nguyên âm [ɛ]: Là nguyên âm ngắn, hàng trước, nửa mở, không tròn môi. Ví dụ: **bread** [brɛd] (bánh mì), **pleasure** ['pleɪʒə] (niềm vui), v.v.

4) Nguyên âm [æ]: Là nguyên âm ngắn, hàng giữa, mở, không tròn môi. Ví dụ: **cat** [kʰæt] (con mèo), **apple** ['ʌpl] (quả táo), v.v.

5) Nguyên âm [u]: Là nguyên âm dài, hàng giữa, khép, tròn môi. Ví dụ: **food** [fu:d] (thức ăn), **school** [sku:l] (trường học), v.v.

6) Nguyên âm [ʊ]: Là nguyên âm ngắn, hàng giữa, khép, tròn môi. Ví dụ: **good** [gʊd] (tốt), **foot** [fʊt] (bàn chân), v.v.

7) Nguyên âm [ɜ:]: Là nguyên âm dài, hàng giữa, nửa khép, không tròn môi. Ví dụ: **girl** [gɜ:l] (con gái), **church** [tʃɜ:tʃ] (nhà thờ), v.v.

8) Nguyên âm [ʌ]: Là nguyên âm ngắn, hàng giữa, nửa mở, không tròn môi. Ví dụ: **cup** [kʰʌp] (cái tách), **uncle** ['ʌŋkl] (chú, bác), v.v.

9) Nguyên âm [ɔ:]: Là nguyên âm dài, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Ví dụ: **four** [fɔ:] (số 4), **shore** [ʃɔ:] (bờ biển), v.v.

10) Nguyên âm [ɒ]: Là nguyên âm ngắn, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Ví dụ: **hot** [hɒt] (nóng), **doctor** ['dɒktə] (bác sĩ), v.v.

11) Nguyên âm [ɑ:]: Là nguyên âm dài, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Ví dụ: **heart** [hɑ:t] (trái tim), **park** [pʰɑ:k] (công viên), v.v.

Ngoài 11 nguyên âm vừa được miêu tả, tiếng Anh còn có nguyên âm nhẹ rất quen thuộc là [ə], thường tương ứng với một âm tiết yếu. Nguyên âm này thường được gọi bằng một tên tiếng Đức, schwa (âm nhẹ). Âm vị học truyền thống miêu tả [ə] như là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở (Noam, 2006).

b. Nguyên âm đôi tiếng Anh

Trong hệ thống nguyên âm tiếng Anh, có tồn tại các nguyên âm đôi (diphthong). David (2008) nêu khái niệm nguyên âm đôi như sau: “Nguyên âm đôi là thuật ngữ được sử dụng trong việc phân loại ngữ âm học về những nguyên âm dựa vào tiêu chí phương thức cấu âm: nó đề cập đến một nguyên âm mà khi phát âm, hạt nhân âm tiết có sự thay đổi về giá trị âm học”. Cùng quan điểm đó, Peter (1991) nhấn mạnh: “Khác với nguyên âm đơn, nguyên âm đôi là những âm mà chất giọng thay đổi trong quá trình tạo sản một âm tiết”.

Xét giá trị của hai yếu tố trong nguyên âm đôi tiếng Anh, Peter (1991) khẳng định: “Trong tiếng Anh, yếu tố thứ nhất của nguyên âm đôi luôn luôn thể hiện nổi bật hơn yếu tố thứ hai”. Để đơn giản, có thể minh họa một nguyên âm đôi trên biểu đồ tần số cơ bản (formant) bằng cách vẽ một đường thẳng nhỏ dẫn hướng từ điểm đầu đến điểm cuối, thể hiện sự vận động của tần số cơ bản (formant). Theo Peter (1991), tiếng Anh có 8 nguyên âm đôi: [ɪə], [eə], [ʊə], [eɪ], [aɪ], [ɔɪ], [əʊ], [aʊ]. Chúng tôi miêu tả 8 nguyên âm đôi tiếng Anh như sau:

1) Nguyên âm đôi [ɪə]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [ɪə] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɪ]. Đó là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ə], là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở, không tròn môi. Nguyên âm đôi [ɪə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ɪ], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ə]. Ví dụ: **here** [hɪə] (ở đây), **clear** [klɪə] (rõ ràng), v.v.

2) Nguyên âm đôi [eə]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [eə] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɛ]. Đó là một nguyên âm ngắn, hàng trước, nửa mở, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ə], là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở, không tròn môi. Nguyên âm đôi [eə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ɛ], sau đó bị suy

giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ə]. Ví dụ: **there** [ðeə] (ở đó), **air** [ʔeə] (không khí), v.v.

3) Nguyên âm đôi [uə]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [uə] được bắt đầu bằng nguyên âm [u]. Đó là một nguyên âm ngắn, hàng giữa, khép, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ə], là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở, không tròn môi. Nguyên âm đôi [uə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [u], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ə]. Ví dụ: **tour** [t^huə] (chuyến du lịch), **poor** [p^huə], v.v.

4) Nguyên âm đôi [eɪ]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [eɪ] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɛ]. Đó là một nguyên âm ngắn, hàng trước, nửa mở, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɪ], là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi. Nguyên âm đôi [eɪ] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ɛ], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɪ]. Ví dụ: **cake** [k^heɪk] (cái bánh), **table** [t^heɪbl] (cái bàn), v.v.

5) Nguyên âm đôi [aɪ]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [aɪ] được bắt đầu bằng nguyên âm [a:]. Đó là một nguyên âm dài, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɪ], là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi. Nguyên âm đôi [aɪ] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [a:], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɪ]. Ví dụ: **fine** [faɪn] (khoẻ), **arrive** [ə'raɪv] (đến), v.v.

6) Nguyên âm đôi [ɔɪ]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [ɔɪ] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɔ:]. Đó là một nguyên âm dài, hàng sau, mở, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɪ], là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi. Nguyên âm đôi [ɔɪ] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên

âm [ɔ:], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɪ]. Ví dụ: **boy** [bɔɪ] (con trai), **oil** [ɔɪl] (dầu), v.v.

7) Nguyên âm đôi [əʊ]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [əʊ] được bắt đầu bằng nguyên âm [ə]. Đó là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [u], là một nguyên âm ngắn, hàng giữa, khép, tròn môi. Nguyên âm đôi [əʊ] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ə], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [u]. Ví dụ: **shoulder** [ˈʃəʊldə] (vai), **know** [nəʊ] (biết), v.v.

8) Nguyên âm đôi [aʊ]: Khi phát âm, nguyên âm đôi [aʊ] được bắt đầu bằng nguyên âm [a:]. Đó là một nguyên âm dài, hàng sau, nửa mở, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [u], là một nguyên âm ngắn, hàng giữa, khép, tròn môi. Nguyên âm đôi [aʊ] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [a:], sau đó bị suy giảm về mặt cường độ, tức là nguyên âm [u]. Ví dụ: **house** [haʊs] (ngôi nhà), **now** [naʊ] (bây giờ), v.v.

c. Nguyên âm ba tiếng Anh

Theo Peter (1991), tiếng Anh có 5 nguyên âm ba: [eɪə], [aɪə], [ɔɪə], [əʊə], [aʊə]. Chúng tôi miêu tả 5 nguyên âm ba tiếng Anh như sau:

1) Nguyên âm ba [eɪə]: Khi phát âm, nguyên âm ba [eɪə] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɛ]. Đó là một nguyên âm ngắn, hàng trước, nửa mở, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɪ], là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi và cuối cùng chuyển thành nguyên âm [ə], là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở. Nguyên âm ba [eɪə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ɛ], sau đó bị suy giảm dần về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɪ] và cuối cùng kết thúc bằng nguyên âm [ə], một âm rất yếu về mặt cường độ và sắc thái không rõ

ràng. Ví dụ: **player** [pleɪə] (người chơi), **prayer** [preɪə] (lời cầu nguyện), v.v.

2) Nguyên âm ba [aɪə]: Khi phát âm, nguyên âm ba [aɪə] được bắt đầu bằng nguyên âm [a:]. Đó là một nguyên âm dài, hàng sau, mở, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɪ], là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi và cuối cùng chuyển thành nguyên âm [ə], là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở. Nguyên âm ba [aɪə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [a:], sau đó bị suy giảm dần về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɪ] và cuối cùng kết thúc bằng nguyên âm [ə], một âm rất yếu về mặt cường độ và sắc thái không rõ ràng. Ví dụ: **fire** [faɪə] (lửa), **liar** [laɪə] (người nói dối), v.v.

3) Nguyên âm ba [ɔɪə]: Khi phát âm, nguyên âm ba [ɔɪə] được bắt đầu bằng nguyên âm [ɔ:]. Đó là một nguyên âm dài, hàng sau, mở, tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ɪ], là một nguyên âm ngắn, hàng trước, khép, không tròn môi và cuối cùng chuyển thành nguyên âm [ə], là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở. Nguyên âm ba [ɔɪə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ɔ:], sau đó bị suy giảm dần về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ɪ] và cuối cùng kết thúc bằng nguyên âm [ə], một âm rất yếu về mặt cường độ và sắc thái không rõ ràng. Ví dụ: **loyal** [ləɪəl] (trung thành), **royal** [rɔɪəl] (hoàng gia), v.v.

4) Nguyên âm ba [əʊə]: Khi phát âm, nguyên âm ba [əʊə] được bắt đầu bằng nguyên âm [ə]. Đó là một nguyên âm hàng giữa, nửa mở, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ʊ], là một nguyên âm ngắn, hàng sau, khép, không tròn môi. Nguyên âm ba [əʊə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [ə], sau đó bị suy giảm dần về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ʊ] và cuối cùng kết thúc bằng nguyên âm [ə], một âm rất yếu về mặt cường độ và sắc thái

không rõ ràng. Ví dụ: **lower** [ləʊə] (hạ thấp), **mower** [məʊə] (máy cắt cỏ), v.v.

5) Nguyên âm ba [aʊə]: Khi phát âm, nguyên âm ba [aʊə] được bắt đầu bằng nguyên âm [a:]. Đó là một nguyên âm hàng sau, mở, không tròn môi. Sau đó, chuyển thành nguyên âm [ʊ], là một nguyên âm ngắn, hàng sau, nửa khép, không tròn môi. Nguyên âm ba [aʊə] được nhấn mạnh ở yếu tố đầu, tức là nguyên âm [a:], sau đó bị suy giảm dần về mặt cường độ, tức là nguyên âm [ʊ] và cuối cùng kết thúc bằng nguyên âm [ə], một âm rất yếu về mặt cường độ và sắc thái không rõ ràng. Ví dụ: **flower** [flaʊə] (hoa), **power** [paʊə] (sức mạnh), v.v.

3.3.3. Sự tương đồng và khác biệt trong đối chiếu nguyên âm tiếng Việt và tiếng Anh

Xem xét đặc điểm của nguyên âm đơn tiếng Anh và tiếng Việt, chúng ta thấy giữa hai hệ thống này có những điểm tương đồng về số lượng, vị trí của lưỡi, độ mở của miệng cũng như hình dáng của môi.

a. Sự tương đồng

Về số lượng, tiếng Anh có 12 nguyên âm đơn, còn tiếng Việt có 13 nguyên âm đơn. Như vậy, số lượng nguyên âm đơn của hai ngôn ngữ là gần tương đương nhau.

Về vị trí của lưỡi, tiếng Anh và tiếng Việt đều có những nguyên âm thuộc ba nhóm theo tiêu chí vị trí của lưỡi. Có thể khái quát những điểm tương đồng của hệ thống nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt theo tiêu chí vị trí của lưỡi ở Bảng 2 như sau:

Bảng 2. Nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt theo vị trí của lưỡi.

Nguyên âm	Hàng trước	Hàng giữa	Hàng sau
		[u:], [ʊ],	
Tiếng Anh	[i:], [ɪ], [e]	[æ], [ɜ:], [ɔ:], [ɒ], [ɑ:]	[ʌ], [ə]
Tiếng Việt	[i], [e], [ɛ], [ɛ̃]	[ɯ], [ɤ], [a], [ã]	[u], [o], [ɔ], [ɔ̃]

Về độ mở của miệng, tiếng Anh và tiếng Việt đều có những nguyên âm thuộc bốn nhóm theo tiêu chí độ mở của miệng. Chúng tôi khái quát những điểm tương đồng của hệ thống nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt theo tiêu chí độ mở của miệng ở Bảng 3.

Bảng 3. Nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt theo độ mở của miệng.

Nguyên âm	Khép	Nửa khép	Nửa mở	Mở
Tiếng Anh	[i:], [ɪ], [u:], [ʊ]	[ɜ:]	[ɛ], [ʌ], [ɔ:], [ɑ:], [ɒ], [ə]	[æ]
Tiếng Việt	[i], [ɯ], [u]	[e], [ɛ], [ɤ], [ɤ̃], [o]	[ɛ̃], [ɔ], [ɔ̃]	[a], [ã]

Về hình dáng của môi, tiếng Anh và tiếng Việt đều có những nguyên âm thuộc hai nhóm theo tiêu chí hình dáng của môi. Có thể khái quát những điểm tương đồng của hệ thống nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt theo tiêu chí hình dáng của môi ở Bảng 4.

Bảng 4. Nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt theo hình dáng của môi.

Nguyên âm	Không tròn môi	Tròn môi
Tiếng Anh	[i:], [ɪ], [ɜ:], [ɛ], [ʌ], [ə], [æ]	[u:], [ʊ], [ɔ:], [ɒ], [ɑ:]
Tiếng Việt	[i], [ɯ], [e], [ɛ], [ɤ], [ɤ̃], [a], [ã]	[o], [ɔ], [ɔ̃], [u]

b. Sự khác biệt

Một là, hệ thống nguyên âm đơn

Tiếng Anh và tiếng Việt đều có nguyên âm hàng trước, khép, không tròn môi. Ở vị trí cấu âm này, tiếng Anh có hai nguyên âm khu biệt nhau theo tiêu chí đối lập ngắn/dài về trường độ là [ɪ] và [i:]. Trái lại, nguyên âm [i] tiếng Việt không có tiêu chí đối lập này.

Tương tự, hai nguyên âm tiếng Anh hàng giữa, tròn môi [ʊ] và [u:] phân biệt nhau theo

chỉ đối lập ngắn/dài. Trái lại, nguyên âm [u] tiếng Việt không có tiêu chí đối lập này.

Hai nguyên âm tiếng Anh hàng sau, tròn môi, đối lập nhau theo tiêu chí ngắn/dài là [ɒ] và [ɔ:]. Hai nguyên âm tiếng Việt [ɔ̃] và [ɔ] cũng đối lập nhau theo tiêu chí ngắn/dài nhưng sự thể hiện trường độ ngắn dài giữa hai cặp nguyên âm này là khác nhau.

Tiếng Anh có nguyên âm [ɜ:], là một nguyên âm dài, hàng giữa, nửa khép, không tròn môi. Trái lại, tiếng Việt không có nguyên âm này.

Tiếng Anh có nguyên âm [æ], là một nguyên âm hàng giữa, mở, không tròn môi. Trái lại, tiếng Việt không có nguyên âm này.

Như vậy, có thể dự đoán rằng, những sự khác biệt vừa nêu trên là nguyên nhân tiềm tàng gây lỗi phát âm tiếng Anh của người Việt.

Hai là, hệ thống nguyên âm đôi

Nguyên âm tiếng Anh và tiếng Việt đều có sự tương đồng về nguyên tắc phát âm. Đó là nguyên âm đôi cả hai ngôn ngữ đều được phát âm bằng cách đọc lướt từ yếu tố thứ nhất đến yếu tố thứ hai. Vì vậy, nguyên âm đôi trong hai ngôn ngữ này về cơ bản đều là sự kết hợp mang tính chất trung hoà những phẩm chất của hai nguyên âm đơn cấu tạo nên nguyên âm đôi đó.

Về mặt ngữ âm học, tất cả các nguyên âm đôi tiếng Anh khác với nguyên âm đôi tiếng Việt.

Về cấu tạo nguyên âm đôi, các nguyên âm đôi trong tiếng Việt cả 3 nguyên âm đều là âm giữa trong khi nguyên âm đôi trong tiếng Anh được cấu tạo là âm giữa (iə, eə, uə) hoặc là âm khép (ei, ai, oi, əv, av).

Ba là, hệ thống nguyên âm ba

Tiếng Anh có 5 nguyên âm ba [eɪə], [aɪə], [ɔɪə], [əʊə] và [aʊə]. Trái lại, tiếng Việt không có nguyên âm ba. Vì vậy, theo lí thuyết giao thoa, có thể dự đoán người Việt sẽ gặp khó khăn khi phát âm những nguyên âm ba tiếng Anh vì chúng được phát âm nhanh cho nên người học khó có thể phân biệt được chúng.

4. KẾT LUẬN

Đối chiếu hệ thống nguyên âm tiếng Anh với hệ thống nguyên âm tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy ngoài những điểm tương đồng về số lượng nguyên âm, về vị trí của lưỡi, độ mở của miệng và hình dáng của môi, giữa hai hệ thống nguyên âm còn có một số điểm khác biệt như sau:

Tiếng Anh và tiếng Việt đều có nguyên âm hàng trước, khép, không tròn môi. Ở vị trí cấu âm này, tiếng Anh có hai nguyên âm khu biệt nhau theo tiêu chí đối lập ngắn/dài về trường độ là [ɪ] và [i:]. Trái lại, nguyên âm [i] tiếng Việt không có tiêu chí đối lập này.

Tương tự, hai nguyên âm tiếng Anh hàng giữa, tròn môi [ʊ] và [u:], phân biệt nhau theo tiêu chí đối lập ngắn/dài. Trái lại, nguyên âm [u] tiếng Việt không có tiêu chí đối lập này.

Hai nguyên âm tiếng Anh hàng sau, tròn môi, đối lập nhau theo tiêu chí ngắn/dài là [ɒ] và [ɔ:]. Hai nguyên âm tiếng Việt [ɔ] và [ɔ] cũng đối lập nhau theo tiêu chí ngắn/dài nhưng sự thể hiện trường độ ngắn dài giữa hai cặp nguyên âm này là khác nhau.

Tiếng Anh có nguyên âm [ɜ:], là một nguyên âm dài, hàng giữa, nửa khép, không tròn môi. Trái lại, tiếng Việt không có nguyên âm này.

Tiếng Anh có nguyên âm [æ], là một nguyên âm hàng giữa, mở, không tròn môi. Trái lại, tiếng Việt không có nguyên âm này.

Ngoài ra, hai hệ thống nguyên âm còn có sự khác biệt về nguyên âm đôi và nguyên âm ba. Tiếng Anh có 5 nguyên âm ba [eɪə], [aɪə], [ɔɪə], [əʊə] và [aʊə]. Trái lại, tiếng Việt không có nguyên âm ba.

Những tương đồng và khác biệt về các đặc điểm ngữ âm học và âm vị học giữa hai hệ thống nguyên âm của hai ngôn ngữ này dự đoán sẽ tạo nên những kiểu lỗi khác nhau

trong quá trình thụ đắc và phát âm nguyên âm của người học Việt Nam khi học tiếng Anh. Ngoài ra, tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ hòa kết, phân tích tính, còn tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, tổng hợp tính. Trong tiếng Anh, trọng âm đóng vai trò rất quan trọng, còn trong tiếng Việt, ngữ điệu lại cần thiết hơn. Âm tiết trong tiếng Anh là âm tiết đơn tiết và đa tiết còn âm tiết trong tiếng Việt chỉ là đa tiết. Tất cả những khác biệt này cùng tạo nên những lỗi phát âm gây ra từ tiếng mẹ đẻ trong quá trình học ngoại ngữ của người học là người Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cù Đình Tú, Hoàng Văn Thung & Nguyễn Xuân Trứ. (1978). *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- David, C. (2008). *A dictionary of linguistics and phonetics*. Oxford, England, UK: Blackwell.
- Đoàn Thiện Thuật. (2007). *Ngữ âm tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Mike, D. & Hannahs, S., J. (1998), *Introduction to phonetics and phonology*. London, England, UK: Arnold.
- Noam, C. (2006). *Những chân trời mới trong nghiên cứu ngôn ngữ và ý thức* (Hoàng Văn Vân dịch). Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Peter, L., & Keith, J. (2014). *A course in Phonetics*, Cengage Learning. Boca Raton, Florida, USA: GOTbooks.
- Peter, R. (1991). *English phonetics and phonology*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Tang, G. (2007). Cross-linguistic analysis of Vietnamese and English with implications for Vietnamese language acquisition and maintenance in the United States. *Journal of Southeast Asian American Education and Advancement*, 2, 1-33a.